

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2025

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo.

Bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **45/2025/QĐXXST-HNGĐ** ngày **10 tháng 01 năm 2025**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thu T, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Tổ D, khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị **xét xử** vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình A, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Tổ D, khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện nay: **6771, S, S, H**; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị **xét xử** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề **ngợi xét xử** vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thu T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình A là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 10/09/2013, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc.

Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm sống trái ngược nhau, nên đầu năm 2024 anh A đi xuất khẩu lao động sang nước H. Do khoảng cách xa xôi, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không **còn** quan tâm **đến** nhau. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình A.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đình A có 03 con chung là Nguyễn Phạm Đan L, sinh ngày 13/3/2014; Nguyễn Phạm Nhật V, sinh ngày 10/10/2018 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 01/01/2024. Hiện các con đang ở với chị **và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn**, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng **các con chung đến tuổi trưởng thành** và không yêu cầu anh A **phải** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: **Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

Chị Phạm Thu T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do bận công việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai (có chứng nhận của Đ tại Hungary) bị đơn anh Nguyễn Đình A trình bày:

Anh và chị Phạm Thu T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã T vào ngày 10/9/2013, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh và chị Thủy C sống hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm sống trái ngược nhau. Hiện nay anh đang cư trú và làm việc tại nước ngoài, còn chị T và các con đang cư trú tại tổ D, khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thu T có 03 con chung là Nguyễn Phạm Đan L, sinh ngày 13/3/2014; Nguyễn Phạm Nhật V, sinh ngày 10/10/2018 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 01/01/2024. Hiện nay anh đang cư trú và làm việc tại nước ngoài, còn các con đang cư trú và học tập tại Việt Nam nên anh đồng ý giao các con cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đình A hiện đang cư trú và làm việc tại nước Hungary không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 04/4/1986; địa chỉ cư trú: Số D, ngõ A, N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An nộp tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thu T hiện đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình A hiện đang cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh A có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Nguyễn Đình A không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thu T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cho Tòa án nhưng do bận công việc nên chị có đơn **đề nghị** xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đình A hiện đang cư trú tại nước Hungary, không có điều kiện về Việt Nam để đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, anh A ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số D, ngõ A, N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An nộp bản tự khai (có chứng thực của Đ tại Hungary) cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tài liệu và chứng cứ mà các bên đã nộp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An vào ngày 10 tháng 9 năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm sống trái ngược nhau, nên đầu năm 2024 anh A đi xuất khẩu lao động sang nước H. Do khoảng cách xa xôi, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại, chị T và anh A đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh A. Về phía anh A cũng đồng ý ly hôn, thỏa thuận nuôi con và không yêu cầu Tòa án chia tài sản theo yêu cầu ly hôn của chị T. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Điều 3 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A có 03 con chung. Nay ly hôn, chị T và anh A thỏa thuận: Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **các** con Nguyễn Phạm Đan L, sinh ngày

13/3/2014; Nguyễn Phạm Nhật V, sinh ngày 10/10/2018 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 01/01/2024 đến lúc **các con** đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: **Chị T và anh A** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T1 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A có 03 con chung;

Giao cho chị Phạm Thu T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Phạm Đan L, sinh ngày 13/3/2014; Nguyễn Phạm Nhật V, sinh ngày 10/10/2018 và Nguyễn Đình Q, sinh ngày 01/01/2024 đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đình A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung; **Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đình A không yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn.**

4. Về án phí: Chị Phạm Thu T phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị **T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013390 ngày 28/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Đình A phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn (anh A chưa nộp).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thu T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Đình A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh